

9. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 5 năm 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2021	Tháng 5 năm 2021 so với tháng 4 năm 2021 (%)	Tháng 5 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.219,41	6.365,49	101,01	112,60	134,31
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	1.219,41	6.365,49	101,01	112,60	134,31
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	152.018,21	740.359,88	100,95	114,18	134,32
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	152.018,21	740.359,88	100,95	114,18	134,32
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	291,08	1.451,97	101,44	113,84	114,19
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	291,08	1.451,97	101,44	113,84	114,19
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	19.814,56	99.814,06	101,39	112,65	114,69
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	19.814,56	99.814,06	101,39	112,65	114,69
Hàng không	-	-	-	-	-